

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NGHỆ AN
ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

KỲ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KẾT HỢP THI THỬ
LỚP 12, NĂM HỌC 2025 - 2026 (Đợt 2)
Môn thi: LỊCH SỬ
Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Mã đề thi 0601

Họ và tên thí sinh:

Số báo danh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Ngày 16, 17-8-1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh triệu tập Đại hội Quốc dân tại Tân Trào đã cử ra

- A. Ủy ban kháng chiến Nam Bộ. B. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
C. Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam. D. Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Câu 2. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930), khối đại đoàn kết dân tộc được tập hợp, củng cố và phát huy qua

- A. các hình thức mặt trận phù hợp. B. lời Hiệu dụ của vua Quang Trung.
C. Hội nghị Diên Hồng. D. Hội nghị Bình Than.

Câu 3. Năm 544, Lý Bí lên ngôi vua (Lý Nam Đế), đặt lên nước là

- A. Đại Nam B. Vạn Xuân. C. Đại Việt. D. Việt Nam.

Câu 4. Cuộc Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở nước Nga đã

- A. lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế Nga hoàng. B. hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
C. thông qua Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô. D. buộc các nước phát xít đầu hàng Đồng minh.

Câu 5. Ngày 22-11-2015, tại Ma-lai-xi-a, các nhà lãnh đạo ASEAN đã ký Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ thành lập

- A. Cộng đồng ASEAN. B. Tổ chức Hiệp ước Vac-sa-va.
C. Tổ chức MAPHILINDO. D. Liên minh châu Âu (EU).

Câu 6. Nội dung nào sau đây là một trong những mục tiêu thuộc Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc?

- A. Độc quyền kinh tế. B. Phát triển vũ khí hóa học.
C. Can thiệp nội bộ quốc gia. D. Bình đẳng giới.

Câu 7. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi (1959-1960) ở miền Nam Việt Nam đã

- A. mở ra cục diện “vừa đánh vừa đàm”. B. giải phóng hoàn toàn miền Nam.
C. buộc Mỹ chấp nhận ký Hiệp định Pa-ri. D. mở ra vùng giải phóng rộng lớn.

Câu 8. Giai đoạn từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, một trong những biểu hiện của sự xác lập Trật tự hai cực I-an-ta là

- A. Liên Xô và Mỹ xung đột quân sự trực tiếp. B. thiết lập các khối quân sự đối đầu.
C. thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). D. bùng nổ các cuộc chiến tranh hạt nhân.

Câu 9. Một trong những chính sách đối ngoại của Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) là

- A. củng cố, phát triển quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.
B. bình thường hóa và thiết lập quan hệ ngoại giao với Mỹ.
C. chính thức trở thành thành viên của tổ chức Liên hợp quốc.
D. tích cực vận động thành lập Đông Á Đồng minh Hội.

Câu 10. Sau năm 1975, một trong những hoạt động để bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Biển Đông của Việt Nam là

- A. phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS).
B. giải quyết mọi tranh chấp trong khuôn khổ Diễn đàn Biển ASEAN (AMF).
C. cùng các nước Đông Nam Á thiết lập khối phòng thủ chung khu vực.
D. thành lập Tòa án Công lí quốc tế để răn đe ý đồ xâm phạm Biển Đông.

Câu 11. Trong giai đoạn 1905-1909, Phan Bội Châu có hoạt động đối ngoại nổi bật nào sau đây?

- A. Tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.
B. Viết báo, diễn thuyết thức tỉnh dư luận Mỹ.

C. Tham gia sáng lập Điền-Quế-Việt Liên minh.

D. Bỏ phiếu tán gia nhập Quốc tế Cộng sản.

Câu 12. Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với đại diện Chính phủ Pháp bản Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và Tạm ước Việt-Pháp (14-9-1946) là thành công của việc

A. buộc Pháp công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.

B. kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

C. đập tan âm mưu chiến lược và các hành động chống phá của Pháp.

D. thực hiện sách lược nhân nhượng có nguyên tắc với kẻ thù.

Câu 13. Trong Đại hội XI (2011), Đảng Cộng sản Việt Nam chú trọng phối hợp chặt chẽ ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa vì một trong những lí do nào sau đây?

A. Hội nhập quốc tế sâu rộng, nâng cao hiệu quả xây dựng đất nước.

B. Phù hợp với xu thế cải cách của các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa.

C. Tạo điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh quá trình gia nhập Liên hợp quốc.

D. Đáp ứng yêu cầu hợp tác toàn diện của tất cả các tổ chức quốc tế.

Câu 14. Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975 của quân dân Việt Nam có ý nghĩa nào sau đây?

A. Mở ra kỉ nguyên cả nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

B. Hoàn thành thống nhất về mặt nhà nước, mở đầu công cuộc Đổi mới.

C. Chứng tỏ cách mạng xã hội chủ nghĩa là con đường tất yếu để các quốc gia thống nhất.

D. Đảo lộn chiến lược toàn cầu của Mỹ, dẫn đến sự xuất hiện xu thế hòa hoãn Đông-Tây.

Câu 15. Nhận định nào sau đây phản ánh đúng quan hệ quốc tế trong thời kỳ Chiến tranh lạnh?

A. Đối thoại, hợp tác giữa các quốc gia trở thành xu thế chủ đạo chi phối quan hệ quốc tế.

B. Căng thẳng, đối đầu kéo dài nhưng vẫn tồn tại sự kiềm chế chiến lược giữa hai phe.

C. Xung đột cục bộ bùng nổ liên tục nhưng không tác động đến cục diện trật tự thế giới.

D. Đối đầu Đông-Tây gay gắt, triệt tiêu mọi khả năng hòa hoãn giữa hai siêu cường.

Câu 16. Nội dung nào sau đây là yếu tố thúc đẩy quá trình mở rộng thành viên của ASEAN trong những năm 90 của thế kỉ XX?

A. Sau Chiến tranh lạnh, các quốc gia Đông Nam Á giành được độc lập.

B. Trật tự hai cực I-an-ta sụp đổ, xu thế liên kết khu vực bắt đầu xuất hiện.

C. Chiến tranh lạnh chấm dứt, Hiệp định hòa bình về Cam-pu-chia được kí kết.

D. Sự đồng nhất về mô hình chính trị, kinh tế các quốc gia Đông Nam Á.

Câu 17. Nội dung nào sau đây là điểm tương đồng giữa cuộc kháng chiến chống quân Tống (1075-1077) và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427)?

A. Vận dụng sức mạnh của Tuyên ngôn độc lập làm suy yếu kẻ thù, tạo thời cơ giải phóng dân tộc.

B. Chủ động giảng hòa trên thế thắng để kết thúc chiến tranh, tạo cơ sở cho hòa bình lâu dài.

C. Từ cuộc khởi nghĩa phát triển thành cuộc chiến tranh giải phóng và thống nhất đất nước.

D. Tranh thủ hòa hoãn xây dựng lực lượng, giành thắng lợi quyết định, lật đổ ách đô hộ ngoại bang.

Câu 18. Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, chủ nghĩa xã hội phát triển trở thành một hệ thống thế giới có tác động nào sau đây?

A. Hình thành hệ thống an ninh toàn cầu do các nước xã hội chủ nghĩa lãnh đạo.

B. Thúc đẩy xu thế toàn cầu hóa, xác lập trật tự thế giới đa cực nhiều trung tâm.

C. Tăng cường sức mạnh của chủ nghĩa xã hội, tạo thế đối trọng với chủ nghĩa tư bản.

D. Xóa bỏ sự đối lập về ý thức hệ, thúc đẩy hợp tác toàn diện giữa hai hệ thống xã hội.

Câu 19. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng một trong những đặc trưng của Cộng đồng ASEAN?

A. Hoạt động theo mô hình hợp tác liên chính phủ, dựa trên cơ sở pháp lý là Hiến chương ASEAN.

B. Là liên minh quân sự nhằm ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống trong khu vực.

C. Vận hành theo cơ chế nhất thể hóa về chính trị-an ninh, kinh tế, văn hóa của ASEAN.

D. Tổ chức siêu quốc gia hoạt động trên nguyên tắc đồng thuận và tôn trọng chủ quyền quốc gia.

Câu 20. Nội dung nào sau đây thể hiện sự kế thừa và phát triển tư tưởng “*khoan thư sức dân để làm*

kế sâu rễ bền gốc” của Trần Hưng Đạo trong công cuộc Đổi mới ở Việt Nam?

- A. Đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng của khối liên minh bao gồm hai giai cấp công nhân và nông dân.
- B. Phát huy vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.
- C. Xây dựng Mặt trận Tổ quốc là cơ quan quyền lực cao nhất, đại diện ý chí, nguyện vọng của nhân dân.
- D. Đảm bảo thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhân dân quản lý và Nhà nước làm chủ.

Câu 21. Nhận xét nào sau đây phản ánh đúng về hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1977 đến nay?

- A. Xác định hội nhập quốc tế là điều kiện tiên quyết để giữ vững độc lập và định hướng xã hội chủ nghĩa.
- B. Lấy hội nhập kinh tế quốc tế làm trọng tâm xuyên suốt ngay từ khi gia nhập Liên hợp quốc.
- C. Lấy hợp tác với các nước cùng chế độ chính trị là yếu tố quyết định sức mạnh tổng hợp quốc gia.
- D. Từng bước phá thế bị bao vây, cấm vận, đa phương hóa, đa dạng hóa trong quan hệ quốc tế.

Cho thông tin, các đoạn tư liệu và trả lời các câu 22,23,24:

Về các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:

Tư liệu 1: “Do nhân dân lao động làm chủ; Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991), Văn kiện Đảng toàn tập, tập 51, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.132)

Tư liệu 2: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; Do nhân dân làm chủ; Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, tr.70)

Câu 22. Hai tư liệu trên thể hiện thành tựu nào sau đây trong công cuộc Đổi mới ở Việt Nam?

- A. Hoàn thiện lý luận xây dựng nền kinh tế tập trung, bao cấp.
- B. Phát triển lý luận về mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- C. Kiến thiết nhà nước cộng hòa dân chủ đầu tiên trên thế giới.
- D. Hoạch định thể chế chính trị của các nước sau khi giành độc lập.

Câu 23. So với Cương lĩnh (1991), một trong những đặc trưng mới của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được bổ sung trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng Cộng sản Việt Nam là

- A. có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- B. con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công.
- C. có Nhà nước pháp quyền do Nhân dân lãnh đạo.
- D. dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Câu 24. Việc xác định đặc trưng “Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp” trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có ý nghĩa

- A. mở ra thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với hội nhập kinh tế quốc tế.
- B. mở đường cho nền kinh tế thị trường tự do phát triển, tạo động lực phát triển kinh tế.
- C. cơ sở để hình thành nền kinh tế nhiều thành phần dưới sự quản lý của nhà nước.

D. thúc đẩy quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phần II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Không thể nào có thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nếu không có miền Bắc xã hội chủ nghĩa, suốt mười sáu năm qua, luôn luôn cùng một lúc phải làm hai nhiệm vụ chiến lược. Đặc biệt từ năm 1965 [...] kháng định chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ hàng đầu [...] miền Bắc đã dốc vào chiến tranh cứu nước và giữ nước toàn bộ sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa, và đã làm tròn một cách xuất sắc nghĩa vụ căn cứ địa cách mạng của cả nước, xứng đáng là pháo đài vô địch của chủ nghĩa xã hội”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng, Toàn tập, tập 37, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, ngày 14-12-1976, NXB Chính trị Quốc gia, 2004, tr.474-475)

a) “hai nhiệm vụ chiến lược” của miền Bắc được đề cập trong tư liệu là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và làm căn cứ địa, hậu phương tại chỗ của cách mạng miền Nam.

b) Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) và chống Mỹ (1954-1975) ở Việt Nam, hậu phương là nơi tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, chi viện cho tiền tuyến, là yếu tố cơ bản thường xuyên quyết định thắng lợi.

c) Trong tình hình cả nước có chiến tranh, “chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ hàng đầu”, miền Bắc vừa trực tiếp chiến đấu vừa tăng cường chi viện, góp phần thúc đẩy sự phát triển thể và lực của cách mạng miền Nam.

d) Xuyên suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), hậu phương miền Bắc và hậu phương tại chỗ được nối liền nhau bởi Tuyến vận tải chiến lược Trường Sơn-đường Hồ Chí Minh.

Câu 2. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“[...]“Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” (Đại hội VII); “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” (Đại hội IX); “tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực” (Đại hội X); [...] “là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế” (Đại hội XIII)”.

(Nguyễn Phú Trọng, “Kế thừa, phát huy truyền thống dân tộc, tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, quyết tâm xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc “cây tre Việt Nam”, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2024, tr.17-18)

a) Với việc khẳng định là “thành viên tích cực, có trách nhiệm” trong Đại hội XIII, Việt Nam sẵn sàng tham gia vào các liên minh quân sự và chính trị để bảo vệ hòa bình khu vực và quốc tế.

b) Qua các kỳ Đại hội, việc liên tục thay đổi các mục tiêu chiến lược cốt lõi để linh hoạt thích ứng với sự thay đổi của thế giới là biểu hiện của bản sắc ngoại giao “cây tre Việt Nam”.

c) Theo đoạn tư liệu, ngay từ Đại hội VII, Việt Nam đã xác định hoạt động đối ngoại cần “tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực”.

d) Thực tiễn hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế cho thấy để phát triển bền vững, Việt Nam cần gắn lợi ích dân tộc với lợi ích giai cấp, dân tộc với quốc tế và chuyển hóa “thách thức” thành “cơ hội”.

Câu 3. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Hệ thống luật pháp trong lĩnh vực văn hoá được xây dựng, ban hành, sửa đổi, bổ sung. [...] Xây dựng, thực hiện hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá và chuẩn mực con người Việt Nam [...]. Công nghiệp văn hoá, dịch vụ văn hoá và thị trường văn hoá từng bước được phát triển và đạt những kết quả tích cực. Hội nhập quốc tế về văn hoá ngày càng được mở rộng [...]. Nhiều di sản văn hoá vật thể được tu bổ, tôn tạo. Nhiều di sản văn hoá phi vật thể được sưu tầm, truyền dạy, thực hành”.

(Bảo Nhân dân, 24-3-2026, Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng Xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam, Đại hội lần thứ XIV (2026) của

Đảng Cộng sản Việt Nam)

a) Phát huy tư tưởng “văn hóa soi đường cho quốc dân đi” của chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời

kì Đổi mới, văn hoá là nền tảng tinh thần, sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng trong sự phát triển bền vững.

b) Đoạn tư liệu trên thể hiện những thành tựu của quá trình xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong công cuộc Đổi mới ở Việt Nam.

c) Những thành tựu và sự mở rộng hội nhập quốc tế về văn hóa góp phần đưa ngoại giao văn hóa trở thành trụ cột quyết định tạo nên bản sắc của nền ngoại giao toàn diện và hiện đại Việt Nam.

d) Dân tộc, dân chủ, nhân văn và khoa học là hệ giá trị cốt lõi của văn hoá Việt Nam, đóng vai trò là nền tảng để xây dựng chuẩn mực con người trong suốt tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam.

Câu 4. Cho bảng thông tin sau đây:

Thời gian	Nội dung
Năm 1945	Hội nghị I-an-ta (Liên Xô) và Hội nghị Pốt-xđam (Đức) được tổ chức.
Năm 1947	Mỹ phát động Chiến tranh lạnh.
Năm 1960	Liên hợp quốc thông qua Tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân, trao trả độc lập cho các quốc gia và dân tộc thuộc địa.
Năm 1968	Liên hợp quốc thông qua Hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân.
Năm 1975	Cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) của nhân dân Việt Nam thắng lợi.
Năm 1991	Trật tự hai cực I-an-ta sụp đổ.

a) Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) của nhân dân Việt Nam đã khẳng định quyền tự quyết dân tộc, góp phần làm xói mòn Trật tự hai cực I-an-ta.

b) Những sự kiện trong bảng thông tin trên thể hiện sự xác lập và phát triển của các Trật tự thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

c) Sự kiện Liên hợp quốc thông qua Tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân, trao trả độc lập cho các quốc gia và dân tộc thuộc địa (1960) đánh dấu sự khởi đầu của quá trình phi thực dân hóa trên thế giới.

d) Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến năm 1991 là một quá trình vận động phức tạp, trong đó tồn tại trạng thái đấu tranh và hợp tác giữa các siêu cường.

----- **HẾT** -----